| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 110/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Hường
- *Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Chào
Ông Nguyễn Ngọc Bờ

***- Thư ký phiên tòa*** **:** Ông Nguyễn Duy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 602/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 về việc Tranh chấp ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1991, nơi cư trú: số 67/15, đường HT, ấp BN, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh An Giang. Có mặt

- *Bị đơn:* Anh Châu T.H, sinh năm 1983, nơi cư trú: ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2019 và lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T.H do tự quen biết, tìm hiểu một thời gian thì tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã VTT vào ngày 06/5/2010. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thành nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị yêu cầu ly hôn với anh

T.H.

Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung tên Châu Trần T.Tr, sinh ngày 11/5/2010 và Châu Trần T.V, sinh ngày 17/01/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh T.H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

*Bị đơn anh Châu T.H đã được Tòa án tống đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng anh không gửi văn bản tự khai và không tham gia tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến của anh.*

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, kiên quyết ly hôn với anh T.H, yêu cầu được nuôi dưỡng con chung; tài sản chung và nợ chung không có.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu cho chị H được ly hôn với anh T.H. Giao con chung 02 con chung tên Châu Trần T.Tr, sinh ngày 11/5/2010 và Châu Trần T.V, sinh ngày 17/01/2014 cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T.H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Chị Trần Thị H yêu cầu ly hôn với anh Châu T.H sinh sống tại Châu Phú nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Châu T.H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung giải quyết vụ án:*

[2.1] Chị H và anh T.H có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2010 tại UBND xã VTT, huyện CP; do đó, được pháp luật Việt Nam công nhận hôn nhân hợp pháp. Nay do mâu thuẫn vợ chồng, chị H yêu cầu ly hôn, theo chị thì do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cãi, dù đã nhiều lần hàn gắn nhưng vẫn không thành nên anh chị đã ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.H.

[2.2] Tòa án đã thực hiện, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T.H để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn; tuy nhiên, cho đến nay anh T.H vẫn vắng mặt và không có ý kiến, xem như anh tự từ bỏ quyền lợi của bản thân.

[2.3] Qua xác minh thì địa phương không biết được tình trạng hôn nhân cũng như mâu thuẫn của vợ chồng anh T.H, chị H, chỉ biết hiện anh chị đã không còn chung sống cùng nhau.

[2.4] Anh chị là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau cũng như chia sẻ, hỗ trợ nhau trong cuộc sống nhưng trên thực tế anh chị đã từng gửi đơn ly hôn, được sự động viên của Tòa án, cả hai dành cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không hòa giải được nên anh chị đã ly thân từ tháng 2/2019 cho đến nay. Nay chị H yêu cầu ly hôn và anh T.H cũng không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ gia đình. Như vậy cho thấy cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai do đó yêu cầu ly hôn của chị H với anh T.H là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.5] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Châu Trần T.Tr, sinh ngày 11/5/2010 và Châu Trần T.V, sinh ngày 17/01/2014. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T.H cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, cháu Tr và cháu V do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng từ khi sinh cho đến nay, hai cháu được mẹ chăm sóc nuôi dưỡng tốt, thiết nghĩ để ổn định tâm lý cũng như cuộc sống sinh hoạt của hai cháu đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Tr do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Tr và cháu V cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị H không có yêu cầu nên anh T.H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H và gia đình không được cản trở anh T.H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

[2.6] Về tài sản chung : Không có nên không xem xét giải quyết.

[2.6] Về nợ chung: chị H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên sau khi bản án được ban hành nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh chị trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.8] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83,

Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Châu T.H. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138 quyển số 01 ngày 06/5/2010 do UBND xã VTT cấp giữa chị H và anh T.H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Châu Trần T.Tr, sinh ngày 11/5/2010 và Châu Trần T.V, sinh ngày 17/01/2014. Giao cháu Tr và cháu V cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T.H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H và gia đình không được cản trở anh T.H trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không cố định. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật, khi có yêu cầu sẽ được giải quyết thành vụ án khác.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005643 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Phú.

Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T.H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng. ***THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ***

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Cẩm Hường**